



VIMCERTS 210



VILAS 1382

Số: 1996-NT01-02/2025.131

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Shineec
Địa điểm quan trắc : Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, Phường Thiên Hương, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 26/12/2025 - Ngày phân tích: 26/12/2025 - 12/01/2026
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT01/ Nước thải trước xử lý lấy tại bể thu gom Modul 1, tọa độ: X= 20°54'19.62"N; Y= 106°38'0.28"E
: NT02/ Nước thải trước xử lý lấy tại bể thu gom Modul 2, tọa độ: X= 20°54'20.06"N; Y= 106°38'0.19"E

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của KCN ^(a)
				25.1996. NT.01	25.1996. NT.02	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	23,1	23,2	45
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,2	5 - 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	29,8	<10	200
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	339	46	300
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	138	19	100
6	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	0,079	<0,07	0,5
7	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	131	29,7	10
8	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	70	69	600
9	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F B&D:2023	1,24	1,35	10
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	139	38,5	30
11	Tổng phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,38	0,26	6
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	KPH (0,003)	KPH (0,003)	0,1
13	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (0,0045)	KPH (0,0045)	0,5
14	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr:B: 2023	KPH (0,003)	KPH (0,003)	0,1
15	Crom (III) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B: 2023 TCVN 6658:2000	KPH (0,025)	0,258	1
16	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	1,25	0,35	5
17	Asen (As)	mg/L	US EPA method 200.8	<0,003	<0,003	0,1
18	Thủy ngân (Hg)	mg/L		KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,01
19	Chì (Pb)	mg/L		0,019	KPH (0,004)	0,5

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng
Quy chuẩn (nếu có) được áp dụng theo yêu cầu của khách hàng



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của KCN ^(a)
				25.1996. NT.01	25.1996. NT.02	
20	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA method 200.8	KPH (0,001)	KPH (0,001)	0,1
21	Đồng (Cu)	mg/L		0,022	0,021	2
22	Kẽm (Zn)	mg/L		0,444	0,082	3
23	Niken (Ni)	mg/L		0,082	0,023	0,5
24	Mangan (Mn)	mg/L		0,226	0,073	1
25	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<1,0	<1,0	30
26	Tổng coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	24.000	28.000	-

Ghi chú:

- (a): Theo Giấy phép môi trường số 288/GPMT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Shinec ngày 06 tháng 08 năm 2024;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2026

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



Lê Thị Thảo